

2. HƯỚNG DẪN DẠY VIẾT CHỮ SỐ VÀ VIẾT CHỮ THƯỜNG

Bắt đầu từ năm học 2002 – 2003, việc dạy viết chữ cho HS tiểu học được thực hiện theo *Mẫu chữ viết trong trường Tiểu học* ban hành kèm theo Quyết định số 31/2002/QĐ – BGD&ĐT Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo kí ngày 14/6/2002.

2.1. Quy định chiều cao

a. Chữ cái viết thường

- Chiều cao 1 đơn vị gồm có các chữ cái: *o, ô, ơ, a, ă, â, e, ê, i, u, ư, c, n, m, v, x.*
- Chiều cao 1,25 đơn vị gồm: *r, s.*
- Chiều cao 1,5 đơn vị gồm 1 chữ: *t.*
- Chiều cao 2 đơn vị gồm: *d, đ, p, q.*
- Chiều cao 2,5 đơn vị: *b, g, h, k, l, y.*
- Các dấu thanh được viết trong phạm vi 1 ô vuông có cạnh là 0,5 đơn vị.

b. Chữ cái viết hoa

Hai chữ *Y, G* được viết với chiều cao 4 đơn vị, các chữ còn lại có chiều cao là 2,5 đơn vị.

c. Chữ số

Các chữ số đều cao 2 đơn vị. Số 1 rộng 0,5 đơn vị, các số còn lại rộng 1 đơn vị.

2.2. Các nét cơ bản

STT	NÉT	TÊN NÉT	STT	NÉT	TÊN NÉT
1	–	Nét ngang	8	c	Nét cong hở – phải
2	ı	Nét sổ	9	o	Nét cong hở – trái
3	\	Nét xiên trái	10	o	Nét cong kín
4	/	Nét xiên phải	11	l	Nét khuyết trên

5	∩	Nét móc xuôi	12	∫	Nét khuyết dưới
6	∪	Nét móc ngược	13	∪	Nét thắt trên
7	~	Nét móc hai đầu	14	~	Nét thắt giữa

2.3. Hướng dẫn viết chữ số

(SGV *Tiếng Việt 1* hướng dẫn viết chữ và số cỡ nhỏ, 1 đơn vị tương ứng với 1 ô li.)

Số 0: gồm 1 nét cong kín.

Cách viết:

Đặt bút tại điểm giữa¹ của đơn vị thứ 2 trên dòng kẻ ngang số 3. Viết một nét cong kín và dừng lại ở điểm đặt bút. (Phía dưới của nét cong kín tiếp xúc với dòng kẻ ngang số 1. Phía trái và phải của nét cong kín tiếp xúc với điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2.)

Số 1: gồm 2 nét là nét xiên phải và nét số.

Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đơn vị thứ 2 trên đường kẻ dọc số 1 viết nét xiên phải hơi võng đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Không nhắc bút, viết tiếp nét số theo đường kẻ dọc số 2 và dừng lại ở đường kẻ ngang số 1.

Số 2: gồm 2 nét là nét cong phải kết hợp với nét xiên phải và nét ngang.

Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đơn vị thứ 2 trên đường kẻ dọc số 1. Viết một nét cong phải liền mạch với nét xiên phải đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 và đường kẻ dọc số 1. (Phía trên của nét cong tiếp xúc với dòng kẻ ngang số 3, phía phải của nét cong tiếp xúc với điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 2.)

(2) Không nhắc bút, viết tiếp nét ngang trên dòng kẻ số 1 và dừng lại ở điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 với đường kẻ dọc số 2.

Số 3: gồm 3 nét là nét ngang, nét xiên phải và nét cong phải.

Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 1. Viết một nét ngang đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Không nhắc bút, viết tiếp nét xiên phải đến cách điểm giữa của đơn vị thứ 1 trên dòng kẻ ngang một chút.

¹ Trong các tài liệu hướng dẫn tập viết thường dùng các thuật ngữ "trung điểm", để GV thuận tiện trong việc hướng dẫn HS, tài liệu này sẽ dùng từ "điểm giữa" thay cho "trung điểm".

(3) Không nhắc bút, viết tiếp nét cong phải, dừng lại ở điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 với đường kẻ dọc số 1. (Phía phải nét cong tiếp xúc với đường kẻ dọc số 2, phía dưới của nét cong tiếp xúc với dòng kẻ ngang số 1.)

Số 4: gồm 3 nét là nét xiên phải, nét ngang và nét sổ.

Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2. Viết một nét xiên phải đến điểm giữa của cạnh ô li thứ 1 trên đường kẻ dọc số 1.

(2) Không nhắc bút, viết tiếp nét ngang theo đường trung điểm cắt ngang cách đường kẻ dọc số 2 một li.

(3) Lia bút trở lại điểm đặt bút, viết tiếp nét sổ theo đường kẻ dọc số 2 và dừng lại ở dòng kẻ ngang số 1.

Số 5: gồm 3 nét là nét ngang, nét sổ và nét cong phải.

Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 1. Viết một nét ngang đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Lia bút trở lại điểm đặt bút, viết tiếp nét sổ theo đường kẻ dọc số 1 đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1.

(3) Không nhắc bút, viết tiếp nét cong phải và dừng lại ở điểm giữa của ô li thứ 1 trên đường kẻ dọc số 1. (Phía trên nét cong cách dòng kẻ ngang số 2 một li, phía dưới nét cong tiếp xúc dòng kẻ ngang số 1.)

Số 6: gồm 2 nét là nét móc phải xuôi kết hợp với nét cong kín.

Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của ô li thứ 2 trên đường kẻ dọc số 2. Viết một nét móc phải xuôi đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1.

(2) Không nhắc bút, viết tiếp nét cong kín, dừng lại tại điểm bắt đầu. (Phía trên nét cong kín cách điểm tiếp xúc với dòng kẻ ngang số 2 một li, phía phải nét cong kín tiếp xúc với đường kẻ dọc số 2, phía dưới nét cong kín tiếp xúc với dòng kẻ ngang số 1.)

Số 7: gồm 2 nét là nét ngang và nét xiên phải.

Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 1. Viết một nét ngang theo dòng kẻ ngang số 3 đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Không nhắc bút, viết tiếp nét xiên phải và dừng lại cách điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 và đường kẻ dọc số 1 một li.

Số 8: gồm 2 nét là nét cong trái và cong phải.

Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của cạnh ô li thứ 2 trên dòng kẻ ngang số 3. Viết một nét cong trái nhỏ lượn vòng xuống viết nét cong phải lớn đến điểm giữa của cạnh ô li thứ 1 trên dòng kẻ ngang số 1.

(2) Không nhắc bút, viết tiếp nét cong trái lớn lượn vòng viết nét cong phải nhỏ và dừng lại ở điểm đặt bút. (Nét cong trái nhỏ và cong phải nhỏ chưa tiếp xúc với kẻ dọc số 1, 2 một li. Nét cong trái lớn và cong phải lớn tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1, 2.)

Số 9: gồm 2 nét là nét cong kín và nét móc ngược trái.

Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của cạnh ô li thứ 2 trên dòng kẻ ngang số 3. Viết một nét cong kín. (Phía dưới nét cong kín thấp hơn chỗ tiếp xúc với dòng kẻ ngang số 2 một li, phía trái nét cong kín tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1.)

(2) Rê bút, viết tiếp nét móc ngược trái và dừng lại tại điểm giữa của cạnh ô li thứ 1 trên đường kẻ dọc số 1.

2.4. Hướng dẫn viết chữ viết thường¹

a. Nhóm các chữ cái có nét cơ bản là nét móc (i, t, u, ư, n, m, p).

Chữ cái i

– Cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li; gồm nét xiên phải, nét móc ngược và dấu phụ trên chữ i.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2. Viết một nét xiên phải đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Không nhắc bút, viết tiếp nét móc ngược và dừng lại tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3. Đặt dấu chấm trên đầu chữ i.

Chữ cái t

– Cao 3 ô li, rộng 1,5 ô li; gồm nét xiên phải, nét móc ngược và nét ngang.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2. Viết một nét xiên phải đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

¹ Phần hướng dẫn này, chúng tôi đã tham khảo từ QĐ số 31/2002/QĐ BGD & ĐT của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT về “Mẫu chữ trong trường Tiểu học” và QĐ số 43/2001/QĐ BGD & ĐT về nội dung dạy tập viết trong trường Tiểu học.

(2) Rê bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 4 và đường kẻ dọc số 2, viết tiếp nét móc ngược và dừng lại tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3.

(3) Lia bút đến điểm giữa đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 1, 2 và dừng lại ở điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2, 3.

Chữ cái u

– Cao 2 ô li, rộng 3 ô li; gồm nét xiên phải và hai nét móc ngược viết liền nhau.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2. Viết một nét xiên phải đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Không nhấc bút, viết tiếp nét móc ngược và dừng lại tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3, 4.

(3) Rê bút đến điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 3, 4 viết nét móc ngược và dừng lại tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 4, 5.

Chữ cái u

– Cao 2 ô li, rộng 3 ô li; gồm nét xiên phải, hai nét móc ngược viết liền nhau và dấu móc phụ.

– Cách viết: Viết chữ cái u, lia bút, viết nét móc phụ trên nét móc ngược thứ hai.

Chữ cái n

– Cao 2 ô li, rộng 3,5 ô li; gồm nét móc trái và nét móc hai đầu.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2, 3 và đường kẻ dọc số 1. Viết một nét móc trái theo đường kẻ dọc số 2 đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Rê bút đến giao điểm của dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 2, viết tiếp nét móc hai đầu và dừng lại tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 4, 5.

Chữ cái m

– Cao 2 ô li, rộng 5 ô li; gồm hai nét móc trái viết liền nhau và nét móc hai đầu.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2, 3 và đường kẻ dọc số 1. Viết một nét móc trái theo đường kẻ dọc số 2 đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Rê bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 2, viết tiếp nét móc trái dọc theo đường nằm giữa của hình vuông được tạo bởi dòng kẻ ngang số 1, 2 và đường kẻ dọc số 3, 4 đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 và đường nằm giữa.

(3) Rê bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường nằm giữa, viết tiếp nét móc hai đầu và dừng lại tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 6.

Chữ cái p

– Cao 4 ô li, rộng 3 ô li; gồm nét xiên phải, nét thẳng đứng và nét móc hai đầu.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2. Viết một nét xiên phải đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Không nhấc bút, viết tiếp nét thẳng đứng xuống dưới dòng kẻ ngang số 1 hai ô li.

(3) Lia bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 2, viết nét móc hai đầu và dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 4, 5.

b. Nhóm các chữ cái có nét cơ bản là nét cong (c, o, ô, ơ, e, ê, x)

Chữ cái c

– Cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li; gồm 1 nét cong trái.

– Cách viết: Đặt bút tại 1/3 của đường chéo hình vuông được tạo bởi dòng kẻ ngang số 2, 3 và đường kẻ dọc số 2, 3, viết một nét cong trái và dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1, 2 và đường kẻ dọc số 3. (Lưng nét cong trái sẽ tiếp xúc với điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2.)

Chữ cái o

– Cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li; gồm 1 nét cong kín.

– Cách viết: Đặt bút tại 1/3 của đường chéo hình vuông được tạo bởi dòng kẻ ngang số 2, 3 và đường kẻ dọc số 2, 3, viết một nét cong kín và dừng lại tại điểm đặt bút. (Bên trái nét cong kín tiếp xúc với điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2; Bên phải nét cong kín tiếp xúc với điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3.)

Chữ cái ô

- Cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li; gồm nét cong kín và dấu mũ.
- Cách viết: viết chữ cái o, lia bút, viết từ trái qua phải một dấu mũ gấp khúc trên dòng kẻ ngang số 3 nhưng dưới dòng kẻ ngang số 4, ngay giữa chữ o.

Chữ cái ơ

- Cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li; gồm nét cong kín và dấu móc.
- Cách viết: viết chữ cái o, lia bút, viết một dấu móc ngay điểm dừng bút.

Chữ cái e

- Cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li; gồm nét xiên phải kết hợp với nét cong trái.
- Cách viết:
 - (1) Đặt bút cách đều điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 và đường kẻ dọc số 1 một li, viết một nét xiên phải đến điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1, 2 và đường kẻ dọc số 3.

(2) Không nhắc bút, viết liền mạch nét cong trái và dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 2, 3. (Lung nét cong trái tiếp xúc với điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2.)

Chữ cái ê

- Cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li; gồm nét xiên phải kết hợp với nét cong trái và 1 dấu mũ.
- Cách viết: viết chữ cái e; lia bút, viết từ trái qua phải một dấu mũ gấp khúc trên dòng kẻ ngang số 3 nhưng dưới dòng kẻ ngang số 4, ngay giữa chữ e.

Chữ cái x

- Cao 2 ô li, rộng 3 ô li; gồm nét cong trái và nét cong phải.
- Cách viết:
 - (1) Đặt bút tại 1/3 đường chéo hình vuông được tạo bởi dòng kẻ ngang số 2, 3 và đường kẻ dọc số 1, 2, viết một nét cong phải đến điểm giữa đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1, 2 và đường kẻ dọc số 1.

(2) Lia bút đến 1/3 của đường chéo hình vuông được tạo bởi dòng kẻ ngang số 2, 3 và đường kẻ dọc số 3, 4, viết nét cong trái đối xứng với nét cong phải và dừng bút tại điểm giữa đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1, 2 và đường kẻ dọc số 4. (Lung nét cong phải và cong trái tiếp xúc với nhau tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 2, 3.)

c. Nhóm các chữ cái phối hợp nét cong, nét thẳng và nét móc (a, ă, â; q, d, đ)

Chữ cái a

- Cao 2 ô li, rộng 2,5 ô li; gồm nét cong kín và nét móc ngược.
- Cách viết: Viết chữ cái o, lia bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 3, viết nét móc ngược và dừng bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái â

- Cao 2 ô li, rộng 2,5 ô li; gồm nét cong kín, nét móc ngược và dấu mũ.
- Cách viết: viết chữ cái a, lia bút, viết từ trái qua phải một dấu mũ gấp khúc trên dòng kẻ ngang số 3 nhưng dưới dòng kẻ ngang số 4, ngay giữa chữ a.

Chữ cái ă

- Cao 2 ô li, rộng 2,5 ô li; gồm nét cong kín, nét móc ngược và dấu mũ ngược.
- Cách viết: viết chữ cái a; lia bút, viết từ trái qua phải một nét vông trên dòng kẻ ngang số 3 nhưng dưới dòng kẻ ngang số 4, ngay giữa chữ a.

Chữ cái d

- Cao 4 ô li, rộng 2,5 ô li; gồm nét cong kín và nét móc ngược.
- Cách viết: viết chữ cái o; lia bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 5 và đường kẻ dọc số 3, viết nét móc ngược và dừng bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái đ

- Cao 4 ô li, rộng 2,5 ô li; gồm nét cong kín, nét móc ngược và nét ngang.
- Cách viết: viết chữ cái d; lia bút đến điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 4 và đường kẻ dọc số 2, 3, viết nét ngang và dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 4 và đường kẻ dọc số 3, 4.

Chữ cái q

- Cao 4 ô li, rộng 1,5 ô li; gồm nét cong kín và nét sổ.
- Cách viết: viết chữ cái o; lia bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 3, viết nét sổ thẳng đứng xuống dưới dòng kẻ ngang số 1 hai ô li thì dừng bút.

d.. Nhóm các chữ cái phối hợp nét khuyết, nét móc, nét thắt, nét cong (l, h, y, k, b, g)

Chữ cái l

- Cao 5 ô li, rộng 2 ô li; gồm khuyết kết hợp với nét móc ngược.
- Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2, viết một nét khuyết trên đến giao điểm giữa dòng kẻ ngang số 2 với đường kẻ dọc số 2.

(2) Không nhắc bút, viết liền mạch nét móc ngược và dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3, 4.

Chữ cái h

– Cao 5 ô li, rộng 3 ô li; gồm nét khuyết và nét móc hai đầu.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2, viết một nét khuyết trên đến giao điểm giữa dòng kẻ ngang số 1 với đường kẻ dọc số 2.

(2) Rê bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 2, viết tiếp nét móc hai đầu và dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 4, 5.

Chữ cái k

– Cao 5 ô li, rộng 3 ô li; gồm nét khuyết trên, nét móc hai đầu kết hợp nét thắt.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2, viết một nét khuyết trên đến giao điểm giữa dòng kẻ ngang số 1 với đường kẻ dọc số 2.

(2) Rê bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 2, viết tiếp nét móc hai đầu kết hợp nét thắt ngay điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3 rồi dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 4, 5.

Chữ cái b

– Cao 5 ô li, rộng 2,5 ô li; gồm nét khuyết trên kết hợp với nét thắt.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 1, 2, viết một nét khuyết trên đến giao điểm giữa dòng kẻ ngang số 2 với đường kẻ dọc số 2.

(2) Không nhắc bút, viết liền mạch nét thắt ngay điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 3 rồi dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2, 3 và đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái g

– Cao 5 ô li, rộng 2 ô li; gồm nét cong kín và nét khuyết dưới.

– Cách viết:

(1) Viết chữ cái o.

(2) Lia bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 3, viết nét khuyết dưới và dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3, 4.

Chữ cái y

– Cao 5 ô li, rộng 2,5 ô li; gồm nét xiên phải, nét móc ngược, nét khuyết dưới.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1, 2 và đường kẻ dọc số 1. Viết một nét xiên phải đến điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 1, 2.

(2) Không nhấc bút, viết tiếp nét móc ngược đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3.

(3) Rê bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 3, viết tiếp nét khuyết dưới và dừng bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3, 4.

e. Nhóm các chữ cái phối hợp giữa nét móc, nét thắt (v, r, s)

Chữ cái v

– Cao 2 ô li, rộng 2,5 ô li; gồm nét móc hai đầu kết hợp với nét thắt.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa đường kẻ dọc số 1 và dòng kẻ ngang số 2, 3. Viết một nét móc hai đầu đến điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 và đường kẻ dọc số 2, 3.

(2) Không nhấc bút, viết tiếp nét thắt ngay tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 3 rồi dừng bút cách dòng kẻ ngang số 3 một li.

Chữ cái r

– Cao 2 ô li, rộng 2,5 ô li; gồm nét xiên phải kết hợp nét thắt và nét móc hai đầu.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giữa của đoạn thẳng nối hai điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 và đường kẻ dọc số 1, 2. Viết một nét xiên phải đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

(2) Không nhấc bút, viết tiếp nét thắt ngay tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2 liền mạch với nét móc hai đầu rồi dừng bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái s

– Cao 2 ô li, rộng 2 ô li; gồm nét xiên phải kết hợp với nét thắt và nét cong phải.

– Cách viết:

(1) Đặt bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 1 và đường kẻ dọc số 2, viết một nét xiên phải đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 3.

(2) Không nhấc bút, viết tiếp nét thắt liền mạch với nét cong phải, dừng bút tại điểm giữa của đường chéo hình vuông tạo bởi dòng kẻ ngang số 1, 2 và đường kẻ dọc số 2, 3.

3. Viết nối nét

3.1. Nối nét thuận lợi

a. Giữa các âm ghép

- Có nét móc (xuôi, ngược, hai đầu): th, ch, tr, ph, nh, kh,...

- Cách viết: Viết liền mạch không nhấc bút.

b. Giữa các nguyên âm/ phụ âm với nguyên âm/ vần

- Có nét móc (xuôi, ngược, hai đầu): an, om, en, um, im, ai, ui, oi,...

- Cách viết: Viết liền mạch không nhấc bút.

3.2. Nối nét không thuận lợi

a. Giữa các con chữ trong vần

– Chữ thứ hai trong một vần là các nét cong (a, ă, â, o, ô, ơ): oa, ao, oc, uc, ...

– Cách viết: Sau khi kết thúc nguyên âm đầu tiên trong vần, lia bút đến vị trí đặt bút viết tiếp nguyên âm thứ hai.

b. Giữa các phụ âm với nguyên âm/ vần

– Nguyên âm hay vần bắt đầu bằng con chữ là các nét cong (a, ă, â, o, ô, ơ): ba, cô, đồ, loa, gác,...

– Trường hợp đặc biệt là âm q nối với nét thẳng (u).

– Cách viết: Sau khi kết thúc phụ âm, lia bút đến vị trí đặt bút viết tiếp nguyên âm/ vần.

4. Nguyên tắc viết chữ cỡ nhỏ

Để HS hiểu cách viết và viết đúng, nên chia các con chữ thành 5 nhóm theo độ cao.

(1) Nhóm cao 1 ô li: a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư, c, m, n, v, x.

(2) Nhóm cao 2 ô li: d, đ, p, q.

(3) Nhóm cao 2,5 ô li: b, g, h, k, l, y.

(4) Nhóm cao 1,25 ô li: *r, s*.

(5) Nhóm cao 1,5 ô li: *t*.

Bước 1: Thực hiện tuần 14

– Nhận dạng các con chữ cao 1 ô li trong nhóm 1.

– Nhận ra sự khác biệt giữa hai cỡ chữ về độ cao.

– Ghi nhớ điểm tựa làm chuẩn về độ rộng là cạnh bên phải của ô li. Ngoại trừ trường hợp đặc biệt là con chữ *m, x*.

Bước 2: Thực hiện tuần 15

– Nhận dạng các con chữ cao 2 ô li trong nhóm 2.

– Nhận ra sự khác biệt giữa hai cỡ chữ về độ cao.

– Ghi nhớ điểm tựa làm chuẩn về độ rộng là cạnh bên phải của ô li.

Bước 3: Thực hiện tuần 16

– Nhận dạng các con chữ cao 2,5 ô li trong nhóm 3.

– Nhận ra sự khác biệt giữa hai cỡ chữ về độ cao.

– Ghi nhớ điểm tựa làm chuẩn về độ rộng là cạnh bên phải của ô li.

Bước 4: Thực hiện tuần 17

– Nhận dạng các con chữ cao 1,25 ô li và 1,5 ô li trong nhóm 4, 5.

– Nhận ra sự khác biệt giữa hai cỡ chữ về độ cao.

– Ghi nhớ điểm tựa làm chuẩn về độ rộng là cạnh bên phải của ô li.

Bước 5: Thực hiện tuần viết chữ nhỏ từ tuần 19 đến tuần 35.

Chân trời sáng tạo